

BÁO CÁO

**tổng kết thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 24/8/2020 của Ban chấp hành
Đảng bộ Huyện Tam Đường về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn
với chế biến và tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2021-2025**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Huyện có điều kiện tự nhiên (*thời tiết, đất đai,...*) phù hợp cho phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; được tỉnh định hướng xác định các mặt hàng sản phẩm chủ lực, phát triển một số cây trồng (*lúa, chè, dong riềng, mắc ca,...*) thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, chất lượng cao. Doanh nghiệp, hợp tác xã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và người dân trong quá trình thực hiện liên kết đầu tư (*thâm canh, trồng, chăm sóc, thu hái, tiêu sản phẩm*).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền cơ sở và sự đồng thuận, nỗ lực của Nhân dân trong việc triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Khoa học kỹ thuật, dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp từng bước phát triển, thuận lợi cho chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Nguồn lao động dồi dào, nhận thức, kinh nghiệm của nhân dân trong việc trồng, chăm sóc, thu hái từng bước được nâng cao; đội ngũ cán bộ chuyên môn có trình độ, năng lực, kinh nghiệm công tác đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Khó khăn

Khí hậu, thời tiết có thời điểm diễn biến bất thường (*gió lốc, mưa đá, sạt lở đất,...*); tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; giá cả một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất có thời điểm tăng cao;... gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; việc quản lý, sử dụng đất của nhân dân còn mang mùn, nhỏ lẻ gây khó khăn cho tích tụ đất đai để phát triển nông nghiệp hàng hóa; hạ tầng vùng sản xuất (*đường nội đồng, thủy lợi*) tuy đã được quan tâm đầu tư, xong chưa đáp ứng được yêu cầu. Đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận người dân chưa thực sự có ý trí vươn lên làm giàu, áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa Nghị quyết

Đề cụ thể hóa và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết, Huyện ủy đã ban hành 01 kế hoạch, 02 quyết định; HĐND huyện đã ban hành 02 nghị quyết; Ban Chỉ đạo huyện ban hành 02 quyết định, 5 kế hoạch; UBND huyện ban hành 13 quyết định, 10 kế hoạch; lồng ghép các chương trình, dự án tổ chức tập huấn, hội nghị chuyển giao khoa học kỹ thuật cho Nhân dân. Chỉ đạo Đảng ủy các xã, thị trấn ban hành Nghị quyết tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân huyện giao chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa cho các xã, thị trấn để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập Nghị quyết

Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập các chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của trung ương, của tỉnh, nội dung Nghị quyết tới toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện bằng nhiều hình thức như: Tổ chức hội nghị quán triệt, học tập; tuyên truyền trên hệ thống Truyền thanh - Truyền hình huyện, Cổng thông tin điện tử huyện, trang facebook, nhóm zalo, trạm truyền thanh cơ sở, thông qua các ban chỉ đạo, tổ công tác.

Kết quả: Huyện tổ chức 01 Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến từ huyện tới cơ sở với 777 đại biểu tham gia; Đảng ủy các xã, thị trấn, MTTQ và các đoàn thể huyện, cơ sở lồng ghép tổ chức 18 hội nghị, 158 buổi sinh hoạt chi bộ, 663 buổi sinh hoạt MTTQ, các đoàn thể, với 18.856 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, Nhân dân tham gia; chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thể thao và truyền thông huyện đưa trên 1.000 tin, bài để truyền truyền. Thông qua tuyên truyền, quán triệt, học tập, cán bộ, đảng viên và Nhân dân cơ bản nắm được nội dung Nghị quyết của Đảng bộ huyện, các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của trung ương, của tỉnh góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo được sự thống nhất cao trong các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, sự đồng thuận trong nhân dân, phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

3. Công tác kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện

Đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Kiểm tra các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết, hằng năm xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện. Năm 2023, HĐND huyện giám sát 01 cuộc về thực hiện Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND, ngày 17/12/2020 về Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện Tam Đường, giai đoạn 2021-2025.

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết

4.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu Nghị quyết

- *Lúa hàng hóa*: Duy trì, nâng cao hiệu quả 600 ha lúa hàng hóa, gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm, đạt 100% Nghị quyết; sản lượng 3.240 tấn/năm.

- *Cây chè*: Trồng mới 446,3/400 ha chè tập trung, đạt 111,6% Nghị quyết, nâng tổng diện tích chè 2.282,3/2.200 ha, đạt 103,7% so Nghị quyết. Giữ vững và phát huy hiệu quả nhãn hiệu “Chè Tam Đường”¹.

- *Cây dong riêng*: Mở rộng, duy trì ổn định 317/150 ha, đạt 211,3% Nghị quyết; xây dựng thành công nhãn hiệu “Miến dong Bình Lư”².

- *Cây Mắc ca*: Trồng mới được 290,13/800 ha, đạt 36,3% Nghị quyết, nâng tổng diện tích 1.002,8/1.200 ha đạt 83,6% Nghị quyết. Xây dựng nhãn hiệu Mắc ca Tam Đường: Do tỉnh Lai Châu định hướng xây dựng Mắc ca là nhãn hiệu của tỉnh nên hiện nay, huyện đã phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng nhãn hiệu Mắc ca Lai Châu, trong đó có Mắc ca Tam Đường (*đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030*).

4.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

4.2.1. Rà soát, xác định rõ vùng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với quy hoạch Nông thôn mới

Chỉ đạo UBND huyện, các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn rà soát, xác định rõ vùng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên bản đồ và ngoài thực địa đối với cây chè 400 ha³, cây mắc ca 800ha⁴, lúa 600 ha⁵, dong riêng 200 ha⁶ để bổ sung vùng sản xuất vào quy hoạch Nông thôn mới của các xã, thị trấn.

Thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên 667 ha đất trồng lúa, ngô kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị cao, đảm bảo theo quy định; tăng cường chỉ đạo quản lý, thực hiện tốt vùng sản xuất theo hướng phát triển tập trung, gắn với cơ sở thu mua chế biến và có thị trường tiêu thụ sản phẩm.

¹ Giấy chứng nhận đã đăng ký nhãn hiệu số 284481 do Cục sở hữu trí tuệ cấp năm 2017

² Quyết định số 92170/QĐ-SHTT, ngày 30/11/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

³ Bản Bo 51,5 ha, Nà Tăm 74 ha, Khun Há 174,5 ha, Thèn Sin 50 ha và Nùng Nàng 50 ha (gồm đất chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác kém hiệu quả)

⁴ trong đó: 325 ha được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 02/4/2021, tại 02 xã Nà Tăm, Khun Há (đất quy hoạch rừng sản xuất, đất nương rẫy và đất chưa sử dụng); còn 475 tại các xã: Thèn Sin 100ha; Bình Lư 50ha; Sơn Bình 50ha; Bản Bo 175ha; Bản Hòn 50ha; Bản Giang 50ha.

⁵ Thị trấn Tam Đường 120 ha (sản xuất 02 vụ), tại khu cánh đồng Bản Nà Đa - Tiên Bình; Hồ Thầu 100 ha (sản xuất 01 vụ) tại khu cánh đồng Nậm Pé, bản Phô Hồ Thầu, bản Chũ Lin, Gia Khâu; Bình Lư 220 ha (sản xuất 02 vụ) tại 06 khu cánh đồng (Nà Khan, Nà Phát 90 ha; Pa Pe 40 ha; Nà Hum 20 ha; Nà San 15 ha; Nà Đon 40 ha; Thèn Thầu 15 ha); xã Bản Bo: 60 ha, sản xuất khu cánh đồng Nà Ly, Bản Bo; xã Thèn Sin 60 ha, sản xuất khu cánh đồng Lở Thàng, Thèn Sin; xã Tả Lèng 40 ha, sản xuất khu cánh đồng Thèn Pá.

⁶ Tại các xã, thị trấn: Nùng Nàng 8,5 ha, Thèn Sin 5 ha, Hồ Thầu 115 ha, Thị trấn 30 ha, Bình Lư 38 ha, Sơn Bình 38 ha, Bản Bo 3 ha, Nà Tăm 41,9 ha, Khun Há 32,2 ha, Bản Giang 5,4ha.

4.2.2. Thực hiện các chính sách về đất đai, phát triển vùng sản xuất, tạo sản phẩm hàng hóa

Quan tâm, khuyến khích người dân chuyển đổi diện tích đất canh tác kém hiệu quả sang phát triển cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn theo quy định; khuyến khích nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư, liên kết cùng doanh nghiệp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, nghị quyết, đề án đã được phê duyệt. Thực hiện tốt công tác quản lý đất sản xuất nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô tập trung, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân, cụ thể:

Duy trì, nâng cao hiệu quả 600 ha lúa hàng hóa, đạt 100% nghị quyết, sản lượng 3.240 tấn; cơ cấu giống chủ yếu gồm: Sóng cù, DS1, Hương thơm. Thu hút 02 Công ty thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Sóng Cù, Tẻ râu⁷. Quan tâm chỉ đạo, đồng hành cùng doanh nghiệp vào liên kết người dân trồng thử nghiệm giống lúa mới để đánh giá năng suất chất lượng, làm cơ sở đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường đưa vào cơ cấu giống lúa của tỉnh⁸.

Quan tâm chỉ đạo bảo vệ, chăm sóc, thâm canh tốt cây chè hiện có; phát triển trồng mới 446,3 ha chè tập trung⁹, cơ cấu giống chè PH8, nâng tổng diện tích chè 2.282,3 ha. Đầu tư phát triển 64,47 ha chè cổ thụ¹⁰, nâng tổng diện tích lên 110,3 ha; chăm sóc, bảo tồn 4.328 lượt cây chè cổ thụ¹¹. Giữ vững, phát huy hiệu quả nhãn hiệu “Chè Tam Đường”. Trên địa bàn huyện, hiện có 07 doanh nghiệp, 03 hợp tác xã, 05 cơ sở hộ gia đình cá nhân đang thực hiện liên kết, bao tiêu thu mua chè búp tươi¹² với trên 3.500 hộ. Sản phẩm chè của huyện chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Afghanistan, Pakistan và Đài loan, trong đó xuất khẩu trực tiếp đạt khoảng 34% sản lượng với các dạng sản phẩm chè xanh sao lặn, chè đen, Sen cha, Hồng trà, Ô long; xuất khẩu ủy thác khoảng 60%, số còn lại tiêu thụ tại huyện và

⁷ Năm 2022, Công ty TNHH MTV giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc 64,55 ha (Hồ Thầu 4,2 ha, Bình Lư 32,9 ha, Thị trấn Tam Đường 27,45 ha) lúa Sóng cù; Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm 05 ha lúa Tẻ râu tại xã Tả Lèng.

Năm 2023, vụ đông xuân, Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc liên kết người dân phát triển 45 ha lúa sóng cù vụ đông xuân (Thên Sin 30 ha; Bình Lư 15 ha), năng suất 51,8 tạ/ha, sản lượng 233 tấn. Vụ mùa thực hiện 95 ha: Công ty TNHH Quế Lâm 07 ha tại xã Tả Lèng; Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc 88 ha, tại các xã: Hồ Thầu 9,2 ha, Bình Lư 42,9 ha và Thị trấn Tam Đường 35,9 ha.

Năm 2024: Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc chủ trì liên kết với quy mô liên kết là 118 ha tại các xã: Thên Sin 41,4 ha; Hồ Thầu 11,7 ha, Bình Lư 29 ha và thị trấn 35,9 ha. Công ty TNHH Quế Lâm chủ trì liên kết 5,6 ha lúa vụ mùa tại xã Tả Lèng

⁸ Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc liên kết người dân trồng khảo nghiệm giống lúa LTS01, (năm 2022: 10,8 ha; năm 2023 10 ha) tại xã Bản Bo.

⁹ Năm 2021: 110,9 ha; năm 2022: 113,4 ha; năm 2023: 71,98 ha; năm 2024: 90 ha; năm 2025, ước 60 ha.

¹⁰ Năm 2021: 24,79 ha; năm 2022: 15 ha; năm 2023: 9,92 ha; năm 2024: 14,76 ha.

¹¹ Năm 2022: 1.204 cây; năm 2023: 1.691 cây; năm 2024: 2.306 cây; năm 2025, ước 4.328 cây.

¹² **07 công ty** đã xây dựng nhà máy chế biến gồm: Công ty TNHH MTV Mạnh Quyết; Công ty ĐTPPT chè Tam Đường; Công ty cổ phần trà Nam Dương; Công ty TNHH MTV Giống VTNN Tây Bắc; Công ty cổ phần XNK trà Sinh An Nam; Công ty CP Trà Tây Bắc; Công ty TNHH trà Olong Fansipan; **03 HTX** gồm: HTX Quyết Tiến; HTX Long Dương 1; HTX Chè cổ thụ - dược liệu - dịch vụ thương mại Tả Lèng và **05 cơ sở** hộ gia đình sản xuất, chế biến chè gồm: Nguyễn Huyền, Nguyễn Đình Bắc; Phạm Đình Vĩnh; Lê Thị Hà; Phạm Đình Hòa.

các huyện, thành phố trong tỉnh.

Mở rộng, duy trì ổn định 317 ha cây dong diêng, sản lượng 19.020 tấn/năm; tăng cường chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất 03 làng nghề làm miến đảm bảo an toàn thực phẩm; xây dựng thành công nhãn hiệu “Miến dong Bình Lư”, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận và 03 sản phẩm OCOP¹³.

Phát triển trồng mới 290,13 ha¹⁴ cây Mắc ca (*Nhà nước hỗ trợ 220,3 ha; Dự án CISDOMA 10,3 ha tại xã Bản Bo; Nhân dân đầu tư 59,5 ha tại xã Bản Bo*), nâng tổng diện tích lên 1.002,8ha¹⁵, diện tích kinh doanh 745,6 ha¹⁶, sản lượng thu hoạch 1.338 tấn/năm.

4.2.3. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện kiện toàn, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện và các xã, thị trấn; đến nay các cơ quan chuyên môn cơ bản đã được kiện toàn, đảm bảo đủ năng lực triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách về nông nghiệp của Trung ương, của Tỉnh và thực hiện các hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm cho người dân.

Chỉ đạo tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gia tăng từ cung cấp đầu vào tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân; phát triển 28 mô hình¹⁷ liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân

¹³ Miến dong Bình Lư; Miến dong Gia Huy; Miến dong Vững Tâm

¹⁴ Năm 2021: trồng xen chè 161,6 ha; năm 2022: trồng xen chè 69 ha; năm 2023: 59,5 ha (Trồng xen 25,5 ha; trồng thuần 34 ha).

¹⁵ Trồng thuần 215,05 ha, trồng xen 787,75 ha.

¹⁶ Trồng thuần 181,1 ha, trồng xen 294,5 ha.

¹⁷ Kế hoạch liên kết trồng và tiêu thụ quả Chanh leo trên địa bàn huyện Tân Uyên và Tam Đường (quy mô 150 ha). Kế hoạch hỗ trợ liên kết sản xuất trồng và tiêu thụ quả chanh leo giai đoạn 2022-2026 (quy mô 650 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Bo của Công ty cổ phần ĐTPPT chè Tam Đường (quy mô 1.400 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Giang của Công ty cổ phần Trà Nam Dương (quy mô 120 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Bo của Công ty TNHH MTV Mạnh Quyết (quy mô 244 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Giang của Hợp tác xã Quyết Tiến (quy mô 100 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Giang của Hợp tác xã Bản Giang (quy mô 196 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Chuối của Hợp tác xã Nông nghiệp xanh (quy mô 40 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Chanh Leo của Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (quy mô 21,7 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Cá nước lạnh của HTX Ngũ Chỉ Sơn (quy mô 0,3 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Miến Dong của HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Bình Lư (quy mô 250 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Mắc Ca của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Macadamia Quốc tế. Liên kết sản xuất và tiêu thụ cây ăn quả của Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Bắc (quy mô 94,7 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ quả Lê của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây ôn đới (quy mô 19,5 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ cây ăn quả và Dược liệu của Công ty cổ phần giống rau hoa quả Trung Ương (quy mô 80,8 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Dược liệu của Công ty cổ phần nông sản Lai Châu (quy mô 0,88 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Bí xanh tại xã Giang Ma của HTX Nông nghiệp tổng hợp (quy mô 4 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Địa lan của Công ty TNHH MTV Tiến Bẩy (quy mô 1.200 chậu). Liên kết sản xuất và tiêu thụ chăn nuôi Lợn của Công ty TTHH Quang Tú tại Bản Hòn (quy mô 7.000 con/năm). Liên kết sản xuất và tiêu thụ chăn nuôi Ong của HTX Ong Vàng (quy mô 800 thùng/năm). Liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm lúa Sến Cù trên địa bàn huyện Tam Đường của Công ty TNHH MTV giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc (quy mô 354 ha). Liên kết theo chuỗi giá trị nuôi ngựa sinh sản tại xã Thèn Sin (quy mô

với doanh nghiệp, hợp tác xã, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

Đến nay, đã tạo được một số vùng sản xuất có giá trị thu nhập cao, như: Vùng lúa 600 ha, sản lượng 3.240 tấn/năm, giá trị thu nhập 38.880 triệu đồng/năm; vùng chè trên 2.282 ha, giá trị thu nhập 119.091 triệu đồng/năm; vùng mắc ca trên 1.002 ha, giá trị thu nhập 33.450 triệu đồng/năm; vùng cây ăn quả ôn đới trên 366 ha, thu nhập trên 54.169 triệu đồng/năm; cây chanh leo trên 452 ha, thu nhập trên 59.658 triệu đồng/năm; dong riềng 317 ha, sản lượng thu 19.020 tấn củ, giá trị thu nhập trên 57.060 triệu đồng/năm; đàn ong 4.798 đàn, sản lượng mật 17.300 lít/năm, thu nhập trên 3.460 triệu đồng/năm; cá nước lạnh thể tích nuôi 32.500m³, sản lượng 293 tấn, thu nhập 43.950 triệu đồng/năm, ...Thông qua các mô hình liên kết giúp người dân nâng cao năng lực, khắc phục những bất lợi về quy mô, diện tích, trình độ sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và giúp người dân yên tâm đầu tư, tham gia thực hiện liên kết sản xuất.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm, xây dựng và phát triển thành công 38 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên (*06 sản phẩm đạt 4 sao, 32 sản phẩm đạt 3 sao*) tại 11/13 xã, thị trấn; xây dựng 01 điểm giới thiệu, bán hàng các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP tại trung tâm huyện. Cùng cố các hệ thống cung ứng dịch vụ nông lâm nghiệp; tăng cường quản lý việc chấp hành giấy phép kinh doanh và sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi; đến nay, huyện có 27 cơ sở cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và 19 cơ sở cung ứng thuốc và thức ăn chăn nuôi. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã, từng bước mở rộng các ngành nghề dịch vụ gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa; từ năm 2021, đến nay phát triển thành lập mới 16 Hợp tác xã nông, lâm nghiệp (lũy kế 30 HTX nông nghiệp) hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã. Tiếp tục thu hút đầu tư mới 11 nhà máy, cơ sở chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực (*chè, gạo, miến dong,...*) với trên 331.000 tỷ đồng đầu tư vào lĩnh vực chế biến, nông nghiệp¹⁸; đồng hành với 02 công ty, 03 hợp tác xã và 01 tổ hợp tác, 01 cộng đồng, 55 hộ gia đình, nhóm hộ đầu tư phát triển trên 22,18 ha cây Sâm Lai Châu.

4.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, thực hiện các chính sách đầu tư, huy động vốn để phát triển hạ tầng vùng sản xuất

Quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chuỗi sản xuất chế

30 con). Liên kết theo chuỗi giá trị cây ăn quả ôn đới (cây lê, mận) tại các xã Thèn Sin, Giang Ma, Khun Há, Sơn Bình (quy mô 32,18 ha). Liên kết phát triển chuỗi giá trị cây ăn quả ôn đới (cây lê) tại xã Nùng Nàng (quy mô 22 ha). Liên kết trồng mới và tiêu thụ cây dong diêng và cây ớt Công ty TNHH MTV Tiến Bẩy trên địa bàn xã Nà Tầm (quy mô dong diêng 41,9 ha, cây ớt 1,27 ha). Liên kết trồng mới và tiêu thụ Sắn dây tại xã Bản Bo do Hợp tác xã Hồng Phát (quy mô 18 ha). Liên kết phát triển trồng mới và tiêu thụ 3 cây Bí xanh tại xã Bình Lư, Hồ Thầu do Công ty rau, quả Ngọc Linh - Sơn La chủ trì liên kết (quy mô 3,4 ha). Liên kết bao tiêu sản phẩm lúa Sến củ tại xã Tả Lèng do Công ty TNHH Quế Lâm chủ trì liên kết (quy mô 5,6 ha).

¹⁸ Các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư: 208,1 tỷ đồng; các dự án do các tổ chức, cá nhân tự đầu tư (không phê duyệt chủ trương đầu tư) 122,9 tỷ đồng.

biển, tiêu thụ sản phẩm (từ khâu làm đất, giống, chăm sóc, chế biến...). Đầu tư, hỗ trợ xây dựng 10.700m² hệ thống nhà màng, nhà lưới gắn với hệ thống tưới tự động; 10 giấy chứng nhận sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGap; tổ chức 07 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ cho người dân về sản xuất, thâm canh trong phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung. Lồng ghép các chương trình thực hiện 07 mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người dân; tổ chức 67 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 2.010 lao động tham gia, đã giúp nâng cao năng lực cho nông dân trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 22/12/2021 của Tỉnh ủy¹⁹, để thực hiện tốt các chính sách đầu tư, huy động các nguồn vốn để đầu tư mở mới và nâng cấp đường giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng đa mục đích, chủ động tưới tiêu cho cây trồng. Đến nay, huyện đã lồng ghép các nguồn vốn, bố trí đầu tư 10,4 km đường giao thông nội đồng vùng chè: Bản Bo 5,5 km, Nà Tăm 2,4km; Khun Há 2,5 km; vùng cây ăn quả xã Bình Lư 1,5 km; kiên cố 3/3 đầu mối, nâng cấp sửa chữa 5,87 km chiều dài kênh thủy lợi (Hồ Thầu 2,5 km; Bình Lư 1,49 km; Bản Bo 1,88km) và công trình phụ trợ trên kênh. Tổng kinh phí thực hiện 17.106,8 triệu đồng.

4.2.5. Phát triển công nghiệp chế biến, xác lập nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nguồn gốc của sản phẩm, gắn kết du lịch với giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản hàng hóa, từng bước thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm

Quan tâm chỉ đạo thu hút các nhà đầu tư phát triển vùng sản xuất hàng hóa gắn cơ sở chế biến; khuyến khích các nhà sản xuất đầu tư thiết bị hiện đại, đổi mới dây chuyền, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch; đến nay trên địa bàn huyện, hiện có 01 cơ sở chế biến gạo, 01 cơ sở chế biến quả Mắc ca, 01 cơ sở xay sát, sản xuất Miến dong và 10 cơ sở, nhà máy chế biến chè các loại; tổng kinh phí thu hút đầu tư 166 tỷ đồng. Duy trì, nâng cao hiệu quả nhãn hiệu “CHETAMDUONG” hiện có; tập trung xác định các sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý để tập trung hỗ trợ; hướng dẫn doanh nghiệp, hộ nông dân xây dựng hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa, chỉ dẫn địa lý. Thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn các chủ thể xây dựng hồ sơ, hoàn thiện sản phẩm OCOP và xây dựng thành công 05 nhãn hiệu sản phẩm các loại²⁰. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp, xây dựng sản phẩm OCOP để trưng bày, giới thiệu gắn với phát triển du lịch. Tăng cường đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp quảng bá, giới

¹⁹ Kế hoạch số 92-KH/HU, ngày 22/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU ngày 25/8/2021 của Tỉnh ủy Lai Châu.

²⁰ Các nhãn hiệu: Miến dong Bình Lư, Mận Tam Đường, Lê Tam Đường, Đào Tam Đường, Dược liệu Tam Đường, Mật ong Tam Đường.

thiệt, kết nối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

4.2.6. Vốn và nguồn vốn thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện: 62.679,86 triệu đồng, trong đó:

+ Năm 2021: 14.500 triệu đồng.

+ Năm 2022: 14.209,42 triệu đồng.

+ Năm 2023: 11.277,93 triệu đồng.

+ Năm 2024: 12.119,71 triệu đồng.

+ Năm 2025: ước 10.572,8 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện:

+ Nhà nước hỗ trợ: 31.185,01 triệu đồng.

+ Nhân dân đóng góp: 31.494,85 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện tới cơ sở đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết trong quá trình triển khai, thực hiện; tập trung quán triệt, tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

Thực hiện một số chỉ tiêu đã đạt và vượt Nghị quyết (lúa hàng hóa đạt 100%, cây dong diềng đạt 211,3%, chè đạt 111,6%). Vùng sản xuất hàng hóa tập trung được mở rộng và giá trị thu nhập tăng cao so với trước khi ban hành Nghị quyết, như: vùng chè tăng 64.722 triệu đồng, vùng lúa tăng 2.880 triệu đồng, vùng mắc ca tăng 26.525 triệu đồng, vùng dong riêng tăng 44.217 triệu đồng.

Thực hiện các chính sách, đề án của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng như: Phát triển vùng chè tập trung, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân đi lại và lưu thông hàng hóa.

Hoạt động thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã liên doanh, liên kết phát triển nông nghiệp được triển khai hiệu quả; duy trì nâng cao hiệu quả và xây dựng thành công nhãn hiệu và sản phẩm OCOP; các dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Nghị quyết được triển khai đã góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người dân, chuyển dần từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị và thu nhập cho người nông dân. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã dần hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn như vùng lúa hàng hóa, vùng chè, chanh leo,...

2. Tồn tại, hạn chế

Một số tổ chức cơ sở đảng triển khai quán triệt, học tập nghị quyết của tỉnh, các chủ trương, nghị quyết, chính sách của trung ương, của tỉnh, của huyện về phát triển nông, lâm nghiệp có mặt hiệu quả chưa cao; ban hành một số văn bản cụ thể hóa thực hiện tại cơ sở còn chậm, chất lượng chưa cao; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số xã chưa quyết liệt dẫn đến thực hiện chỉ tiêu có nội dung còn chậm, hiệu quả chưa rõ nét.

Thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đạt thấp, như: phát triển trồng cây mắc ca. Thu hút các nhà đầu tư vào phát triển, tạo vùng sản xuất (Mắc ca) và xây dựng cơ sở sơ, chế biến sản phẩm còn chậm. Công tác xúc tiến thương mại, gắn kết du lịch với giới thiệu, quảng bá sản phẩm hàng hóa có mặt hạn chế.

Chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế để phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với liên kết, chế biến. Quản lý thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang cây trồng khác còn hạn chế.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động của cấp ủy, chính quyền một số cơ sở có mặt còn chưa kịp thời, thiếu quyết liệt, dẫn đến người dân một số nơi chưa nắm được nội dung các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của trung ương, của tỉnh.

Công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá tiềm năng, lợi thế của một số xã chưa sát với thực tế, dẫn đến việc đăng ký một số chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa chưa đáp ứng nhu cầu của người dân.

Việc tích tụ đất đai còn gặp nhiều khó khăn, tập quán canh tác lạc hậu của người dân một số nơi chậm thay đổi, vẫn còn tư duy sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chưa mạnh dạn đầu tư, sợ rủi ro... ảnh hưởng đến việc thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã vào đầu tư, liên kết sản xuất với người dân. Doanh nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư trồng cây Mắc ca chưa thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt.

Trình độ, năng lực của một số công chức, viên chức tại cơ sở còn hạn chế; công tác phối giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện Nghị quyết có thời điểm chưa chủ động.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hỗ trợ sản xuất, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và giải pháp thu hút đầu tư, kinh doanh, khuyến khích, đồng hành cùng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung

gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung chính sách của tỉnh đảm bảo phù hợp với thực tiễn của huyện.

Tiếp tục quy hoạch và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào cải tạo, thâm canh tăng vụ, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và diện tích tăng thêm gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; nâng cao chất lượng rừng, khai thác hiệu quả lâm sản phụ dưới tán rừng; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trồng rừng; tổ chức thực hiện hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; khuyến khích đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thâm canh, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn (VietGAP và tương đương) trong sản xuất để nâng cao giá trị kinh tế. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; lập hồ sơ, thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý.

Tiếp tục thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, huy động các nguồn vốn đầu tư, bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục thu hút và đồng hành cùng các Doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sơ, chế biến sản phẩm; khuyến khích đổi mới thiết bị và công nghệ chế biến theo hướng sử dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm được chế biến sâu, có bao bì mẫu mã sản phẩm...; xác lập nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nguồn gốc của sản phẩm, xúc tiến thương mại, gắn kết du lịch với giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản hàng hóa, từng bước thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

2. Giải pháp

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và người dân về sự cần thiết, tính tất yếu các chính sách hỗ trợ và hiệu quả của phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nhằm tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và nhân dân. Tạo chuyển biến về nhận thức và hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tiếp tục đưa tin, bài viết,... đăng tải lên các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến các mô hình liên kết, mô hình sản xuất hàng hóa có nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để

thuyết phục người dân làm theo.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành như: Nghị quyết 12/2019/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đồng hành cùng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong thực hiện các chính sách về nông nghiệp. Khuyến khích nông dân góp giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chuyển đổi các diện tích đất hoang hóa, đất canh tác cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn.

Chỉ đạo tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt là thuốc trừ cỏ trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp; khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới có nguồn gốc sinh học; tuyệt đối không sử dụng thuốc ngoài danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong việc định hướng cho nông dân và hợp tác xã về quy mô, chất lượng, quy cách nông sản và thị trường tiêu thụ; hợp tác xã, tổ hợp tác là đầu mối đại diện của nông dân tham gia các liên kết với doanh nghiệp. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp mở rộng các ngành nghề dịch vụ gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2025; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động số 32-CTr/TU, ngày 12/4/2023 của Tỉnh ủy Lai Châu, Kế hoạch của Huyện ủy về thực hiện về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các đề án, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp đã được phê duyệt.

Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tham gia các hoạt động hội chợ trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá sản phẩm, kết nối giao thương với các doanh nghiệp, các chuỗi tiêu thụ sản phẩm, vùng nguyên liệu, chế biến; tăng cường liên kết với Trung tâm xúc tiến và đầu tư, trung tâm giới thiệu sản phẩm, đưa các sản phẩm chủ lực của huyện lên các trang, cổng thông tin điện tử nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục phát huy tiềm năng, thế mạnh của huyện trong phát triển nông nghiệp gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đề nghị Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục ban hành các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để nâng cao chất lượng, giá trị sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm làm định hướng phát triển trong giai đoạn 2025-2030.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c),
- Đ/c Nguyễn Ngọc Vinh - Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy,
- TT. Huyện ủy, HĐND, Lãnh đạo UBND huyện,
- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu.

T/M HUYỆN ỦY
PHÓ BÍ THƯ

Cao Trang Trọng